



NGUYỄN HIẾN LÊ

(Chú dịch và giới thiệu)

Trang Tử

Nam
Hoa
Kinh



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

TRANG TỬ
và
NAM HOA KINH

NGUYỄN HIẾN LÊ
(Giới thiệu và chú dịch)

TRANG TỬ
và
NAM HOA KINH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

1994

*Lần đầu tiên **Nam Hoa kinh** được dịch trọn bộ ra tiếng Việt và được phân tích kỹ từng chương một để giữ cho Trang tử những cái gì của Trang mà trả lại cho người trước và người sau những cái gì của người trước và người sau ; có vậy mới đánh giá được sự cống hiến của Trang cho tư tưởng Trung Hoa.*

Những đoạn nào tối nghĩa thì được dịch giả thận trọng ghi cả hai ba cách giải của người trước và tùy chỗ, đưa ý kiến riêng của mình.

PHẦN I
GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
và
TÁC PHẨM

CHƯƠNG I

THỜI ĐẠI VÀ ĐỜI SỐNG

THỜI ĐẠI

Trang tử kém Mạnh tử khoảng mười tuổi, sống ở giữa thời Chiến Quốc (-403 - 221). Ông sinh vào khoảng - 360, trên 40 năm sau khi thời đại loạn đó bắt đầu, và 60 năm sau khi ông mất, nó cũng chấm dứt. Vậy ông được chứng kiến hầu hết những biến chuyển lớn của thời đó : Tần dùng Vệ Ưởng để biến pháp mà hùng cường lên, xưng bá (-343) rồi xưng vương (-325) ; sáu nước kia (Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở) bèn *hợp tung* để chống Tần (-333), những phe *hợp tung* mau tan (-332), Trương Nghi đề nghị thuyết *liên hoành* (-311) để liên hiệp lục quốc mà tôn Tần, do đó Tần lại càng mạnh thêm, thắng được Ngụy, Hàn, Sở, rồi xưng đế (-288), diệt Tống, ức hiếp Triệu. Trước khi mất, chắc Trang tử đã đoán được xu thế của thời đại : thế nào rồi Tần cũng sẽ thay Chu, làm thiên tử mà thống nhất Trung Quốc.

Như trong *Chiến Quốc Sách*⁽¹⁾ trang 10, chúng tôi đã nói, sự dùng năm -403 để phân chia hai thời Xuân Thu và

(1) Lá Bối xuất bản, 1969, Sài Gòn.

Chiến Quốc không dựa trên một biến cố nào quan trọng (năm đó chỉ là năm lên ngôi của Uy Liệt vương nhà Chu), mà lịch sử và xã hội Trung Hoa suốt hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc biến chuyển liên tục, không hề gián đoạn, từ chế độ phong kiến tới chế độ quân chủ chuyên chế, từ tình trạng phân li tới tình trạng thống nhất.

Tuy nhiên, xét chung, chúng ta vẫn thấy hai thời đó có nhiều điểm khác nhau :

1. Xuân Thu là thời các vị bá chủ (như vua Hoàn công nước Tề) mượn uy danh của Thiên tử, tức vua nhà Chu mà ra lệnh cho các chư hầu : Thiên tử thời đó tuy không có quyền, nhưng còn danh phận, các vị bá chủ chưa dám khinh ; thời Chiến Quốc, trái lại, vua các nước lớn như Tần, Tề, Ngụy, Sở... đều xưng vương, chẳng coi Thiên tử ra gì cả ;

2. Thời Xuân Thu, chế độ chính trị chỉ biến chuyển lần lần thôi, vì các vua chúa còn trọng dư luận ít nhiều ; qua thời Chiến Quốc, vua các cường quốc không đoái gì tới cổ pháp, cổ lễ, can đảm làm những cuộc cách mạng về pháp độ, như cuộc biến pháp của Vệ Ưởng năm -359 đời Tần Hiến công ;

3. Thời Xuân Thu giới quý tộc còn nắm được nhiều quyền lớn, cha truyền con nối, qua thời Chiến Quốc, đặc quyền đó gần như hoàn toàn bị tiêu diệt, và rất nhiều người trong giới bình dân lên làm khanh tướng, như Tô Tần, Trương Nghi...

4. Chiến tranh trong thời Xuân Thu tuy nhiều nhưng

không kịch liệt, còn giữ được cái luật "quân tử" không giết kẻ bại ; thời Chiến Quốc, chiến tranh tàn khốc hơn nhiều, có trận chết hàng vạn người (sát nhân doanh dã, sát nhân doanh thành), cho nên dân tình cực kì điêu đứng ;

5. Phép "tĩnh điền" không rõ bị phế bỏ lần lần từ thời nào, nhưng chắc chắn là cuộc biến pháp của Vệ Ưởng, thời Chiến Quốc, được nhiều nước khác theo, Mạnh tử hô hào tái lập nó mà không được ;

6. Thời Xuân Thu, trọng tâm của kinh tế là nông nghiệp ; qua thời Chiến Quốc, công và thương phát đạt mạnh, địa vị mỗi ngày một quan trọng hơn, mà các thị trấn như Hàm Dương (Tần), Lâm Tri (Tề), Hàm Đan (Triệu) rất phồn thịnh ; và bọn cự thương như Lữ Bất Vi có thể dùng thế lực đồng tiền xâm nhập chính trị ;

7. Quan trọng nhất là sự phát triển về tư tưởng. Trong thời Xuân Thu, từ khi Khổng tử sanh (-551) tới khi Liệt tử mất (-349), suốt hai trăm năm chỉ có mười triết gia : Khổng tử, Tăng tử, Tử tư, Mặc tử, Dương tử, Lão Đam, Quan Doãn, Liệt Ngự Khẩu ; qua thời Chiến Quốc, số triết gia có tiếng tăm tới trên hai chục nhà, ấy là chưa kể các chính trị gia, biện sĩ, thuật sĩ.

Theo *Sử kí* của Tư Mã Thiên, bọn sĩ du thuyết được Tề Tuyên vương tặng chức thượng đại phu, chỉ bàn sống chứ không dự vào việc chính trị, như Trâu Diễn, Thuần Vu Khôn, Tiếp tử, Hoàn Uyên... tới 76 người, còn số học sĩ ở Tề có tới mấy trăm ngàn người (chương 46 : Điền Hoàn thế gia).

Nguyên nhân chính là thời đó đại loạn, người nào có tư tưởng cũng muốn đưa ra một thuyết để cứu đời ; mà các vua chúa nào muốn làm bá chủ Trung Quốc cũng tôn trọng kẻ sĩ, mời họ làm cố vấn. Do đó, ngôn luận được hoàn toàn tự do. Đúng là thời "trăm hoa đua nở" ; cho tới ngày nay, trên hai ngàn năm sau, Trung Hoa không còn được thấy lại cảnh phồn thịnh đó nữa.

Dĩ nhiên, mỗi triết gia chỉ nắm được một phần chân lí, như tác giả chương *Thiên hạ*, phần *Tạp thiên* của *Nam Hoa kinh* đã nhận định :

"... học phái hoặc kĩ thuật của trăm nhà đều có sở trường, thời cơ thích hợp thì đều có chỗ dùng được đấy, nhưng không bao quát được hết : họ chỉ là những nhà thiên kiến... Họ mổ xẻ cái thuận mĩ của trời đất, phân tích cái lí của vạn vật, cái nhất quán của cổ nhân... lập ra những phương thuật riêng. Buồn thay ! Học phái của bách gia cứ phân tán ra trăm ngả tới cực đoan mà không trở về cái gốc... Đạo thuật trong thiên hạ sắp bị chẻ nhỏ ra rồi".
(đoạn 3)

Bất kì về vấn đề nào : vũ trụ, Đạo và tính, chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, võ bị, danh và thực... họ cũng đưa ra được hai ba lí thuyết để chống đối nhau, phủ nhận nhau, không khí thật kích thích, tạo nên một hoàng kim thời đại của triết học Trung Hoa.

Dưới đây tôi chỉ ghi tên một số triết gia đồng thời với Trang Chu, hoặc được nhắc tới trong *Trang tử* (cũng gọi là *Nam Hoa kinh*) để độc giả đỡ phải tìm kiếm mà dễ nhận định được thời đại. Những năm sinh và mất của mỗi nhà

đều theo Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương* (Thương vụ ấn thư quán - 1958), và đều phỏng chừng, có thể sai vài ba chục năm.

Mặc tử sanh năm	- 480	mất năm	- 397
Dương Chu	- 440		- 380
Quan Doãn	- 440		- 360
Lão tử	- 430		- 340
Liệt tử	- 430		- 349
Hoàn Uyên	- 390		- 300
Tổng Kiên	- 382		- 300
Bành Mông	- 382		- 300
Mạnh tử	- 372		- 289
Huệ Thi	-370		- 300
Điền Biên	- 370		- 290
Thận Đáo	- 370		- 290
Doãn Văn	- 360		- 280
Trần Trọng	- 360		- 260
Trang tử	- 360		- 280
Trâu Điền	- 340		- 260
Công Tôn Long	- 330		- 242
Tuân tử	- 330		- 227
Hàn Phi	- 280		- 233